

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/KDTM-ST

Ngày: 14-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây.

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lệnh Khâm Vĩ, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 190/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH G; trụ sở: Một phần Lô B, đường N, Khu công nghiệp K - Khu A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Vương Đức T, sinh năm 1986. Có mặt.

2. Bà Thái Thị N, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số H N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2024).

- Bị đơn: Công ty TNHH B; trụ sở: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 32, khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Số A A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số B N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn

Công ty TNHH G trình bày:

Trong năm 2024, nguyên đơn Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty G) đã bán hàng hóa là ván PB và MDF kích thước các loại cho bị đơn Công ty TNHH B (viết tắt là Công ty B). Việc mua bán không ký hợp đồng mà chỉ căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, sau khi giao hàng sẽ đối chiếu công nợ, thanh toán tiền hàng sau khi xuất hoá đơn 30 ngày.

Cụ thể trong tháng 5/2024, Công ty G đã giao hàng đầy đủ theo đơn hàng của Công ty B, Công ty G đã gửi bảng chi tiết công nợ, xuất hóa đơn số 608 ngày 29/3/2024; hóa đơn số 931 ngày 03/5/2024 và hóa đơn số 971 ngày 10/5/2024 với tổng số tiền hàng là 2.672.998.243 đồng. Công ty B đã thanh toán được số tiền 542.000.000 đồng, còn nợ Công ty G số tiền 2.130.998.243 đồng tới nay vẫn chưa thanh toán.

Công ty G nhiều lần liên lạc và yêu cầu Công ty B thanh toán công nợ còn lại nhưng không có kết quả. Việc Công ty B cố tình không thanh toán công nợ còn lại đã gây ra cho Công ty G rất nhiều khó khăn và thiệt hại rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nay, Công ty TNHH G khởi kiện Công ty TNHH B ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với yêu cầu:

- Buộc Công ty B thanh toán cho Công ty G tổng số tiền là 2.258.858.137 (hai tỷ hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn một trăm ba mươi bảy) đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 2.130.998.243 (hai tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính như sau: Từ tháng 6/2024 tới tháng 11/2024 với lãi suất 1%/tháng như sau: $2.130.998.243 \text{ đồng} \times 1\% \times 6 \text{ tháng} = 127.859.894 \text{ đồng}$;

(Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hồ sơ pháp lý nguyên đơn; Giấy ủy quyền ngày 10/10/2024; 03 Hóa đơn giá trị gia tăng điện tử; phiếu xuất hàng; Biên bản thỏa thuận ngày 29/10/2024; Công văn giải trình ngày 12/02/2025;

Quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH B trình bày:

Từ tháng 03/2024 đến tháng 05/2024, bị đơn Công ty TNHH B có đặt mua hàng hóa của nguyên đơn Công ty TNHH G, cụ thể: Nguyên đơn cung cấp cho bị đơn mặt hàng là ván PB và MDF, việc mua bán không được lập hợp đồng mà căn cứ theo đơn đặt hàng. Sau đó, nguyên đơn đã xuất cho bị đơn các hóa đơn sau:

STT	Số hoá đơn	Ngày xuất hoá đơn	Nội dung hóa đơn	Số tiền hóa đơn	Thuế VAT	Số tiền
01	608	29/3/2024	Ván MDF, PB	385.672.080	30.853.766	461.525.846
02	931	03/5/2024	Ván MDF, PB	1.613.805.977	129.104.478	1.742.910.455

03	971	10/5/2024	Ván MDF, PB	475.502.316	38.041.625	513.561.941
----	-----	-----------	----------------	-------------	------------	-------------

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 542.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 2.130.998.243 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến việc bị đơn chậm thanh toán là vì khi bị đơn liên hệ với cục thuế tỉnh B để kê khai báo thuế thì được cục T cho biết nguyên đơn có trong danh sách những công ty R về hóa đơn, do đó yêu cầu bị đơn phải giải trình và xác minh. Ngày 25/6/2024, bị đơn đã có văn bản cam kết và cung cấp tài liệu, giải trình cho Cục thuế, tuy nhiên hiện nay bị đơn vẫn chưa được hoàn thuế theo quy định. Đến ngày 29/10/2024, bị đơn đã liên hệ và gửi văn bản đề nghị nguyên đơn xác nhận thông tin hóa đơn tại Cục thuế tỉnh B. Tuy nhiên, nguyên đơn không xác nhận nên bị đơn vẫn không thể tiến hành khai thuế và hoàn thuế theo quy định làm ảnh hưởng đến bị đơn dẫn đến việc bị đơn chưa tất toán cho nguyên đơn,

Bị đơn sẽ tiến hành thanh toán theo thỏa thuận số tiền 2.130.998.243 đồng cho nguyên đơn khi nguyên đơn có văn bản giải trình xác minh với Cục thuế tỉnh B để bị đơn hoàn tất thủ tục khai và hoàn thuế theo quy định. Đối với số tiền lãi chậm trả 127.859.894 đồng bị đơn không đồng ý vì lý do đã trình bày trên, do bị đơn chậm thanh toán phát sinh phía nguyên đơn không thiện chí giải quyết vấn đề từ những hóa đơn do nguyên đơn xuất cho bị đơn.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp: Hồ sơ pháp lý bị đơn; Giấy ủy quyền ngày 27/12/2024; Giấy ủy quyền ngày 15/11/2024; Biên bản thỏa thuận ngày 29/10/2024; Cam kết ngày 25/6/2024;

Tại phiên tòa:

Người đại diện nguyên đơn nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính tiền lãi suất đến ngày xét xử vụ án với số tiền cụ thể là 188.755.032 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH B; trụ sở: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 32, khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã có văn bản trình bày ý kiến và có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận: Trong năm 2024, bị đơn Công ty TNHH B có đặt mua hàng hóa của nguyên đơn Công ty TNHH G, nội dung: Nguyên đơn cung cấp cho bị đơn mặt hàng là ván PB và MDF, việc mua bán không được lập hợp đồng mà căn cứ theo đơn đặt hàng, cụ thể: Nguyên đơn đã bán và xuất 03 hóa đơn điện tử cho bị đơn:

STT	Số hoá đơn	Ngày xuất hoá đơn	Nội dung hóa đơn	Số tiền hóa đơn	Thuế VAT	Số tiền Đồng
01	608	29/3/2024	Ván MDF, PB	385.672.080	30.853.766	461.525.846
02	931	03/5/2024	Ván MDF, PB	1.613.805.977	129.104.478	1.742.910.455
03	971	10/5/2024	Ván MDF, PB	475.502.316	38.041.625	513.561.941

với tổng số tiền hàng là 2.672.998.243 đồng. Bị đơn đã thanh toán được số tiền 542.000.000 đồng, còn nợ số tiền 2.130.998.243 đồng tới nay vẫn chưa thanh toán. Sự thừa nhận này của các đương sự là chứng cứ không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến việc bị đơn chậm thanh toán vì khi bị đơn liên hệ với cục thuế tỉnh B để kê khai báo thuế thì được Cục T cho biết nguyên đơn có trong danh sách những công ty R về hóa đơn, do đó yêu cầu bị đơn phải giải trình và xác minh. Ngày 25/6/2024, bị đơn đã có văn bản cam kết và cung cấp tài liệu, giải trình cho Cục thuế. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn vẫn chưa được hoàn thuế theo quy định. Đến ngày 29/10/2024, bị đơn đã liên hệ và gửi văn bản đề nghị nguyên đơn xác nhận thông tin hóa đơn tại Cục thuế tỉnh B. Tuy nhiên, nguyên đơn không xác nhận nên bị đơn vẫn không thể tiến hành khai thuế và hoàn thuế theo quy định làm ảnh hưởng đến bị đơn dẫn đến việc bị đơn chưa tất toán cho nguyên đơn. Bị đơn sẽ tiến hành thanh toán theo thỏa thuận số tiền 2.130.998.243 đồng cho nguyên đơn khi nguyên đơn có văn bản giải trình xác minh với Cục thuế tỉnh B để bị đơn hoàn tất thủ tục khai và hoàn thuế theo quy định. Theo Công văn số 447/CTBDU-TTKT1 ngày 17/02/2025 và Công văn số 581/CTBDU-TTK1 ngày 27/02/2025 của Cục thuế tỉnh B cung cấp thông tin:

Căn cứ hệ thống khai thuế điện tử, hệ thống hóa đơn điện tử, tờ khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng, Công ty TNHH G; mã số thuế: 03144238155 có khai thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ các hóa đơn xuất cho Công ty TNHH B; mã số thuế

3702869519, như sau:

STT	Mẫu số HĐ	Ký hiệu HĐ	Số HĐ	Ngày HĐ	Giá trị HHDV chưa thuế	Thuế GTGT	Kỳ khai thuế
1	1	C24TTN	608	29/3/2024	385.672.080	30.853.766	Tháng 3/2024
2	1	C24TTN	931	03/5/2024	1.613.805.977	129.104.478	Tháng 5/2024
3	1	C24TTN	971	10/5/2024	475.502.316	38.041.625	Tháng 5/2024

Cục thuế đã có văn bản mời Công ty TNHH G giải trình và cung cấp hồ sơ, các hợp đồng tài liệu có liên quan đến việc mua bán hàng hóa với Công ty TNHH B liên quan đến 03 hóa đơn trên. Cục thuế đã gửi Giấy mời số 49/GC-CTBDU ngày 13/02/2025 cho Công ty TNHH B về việc giải trình và cung cấp thông tin kê khai khấu trừ đối với 03 hóa đơn mua bán hàng hóa dịch vụ của Công ty TNHH G và toàn bộ bản sao tài liệu, chứng cứ liên quan đến khai báo thuế. Sau đó Công ty TNHH G đã có Công văn giải trình số: 03-2025/TN ngày 12/02/2025 gửi Cục Thuế tỉnh B về việc mua bán hàng hóa và cung cấp chứng cứ mua bán.

[2.3] Như vậy, thực tế nguyên đơn và bị đơn có mua bán hàng hóa, nguyên đơn bên bán đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao đủ hàng hóa, sản phẩm cho bị đơn bên mua khi bị đơn có yêu cầu theo 03 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử sau:

STT	Số hoá đơn	Ngày xuất hoá đơn	Nội dung hoá đơn	Số tiền hóa đơn	Thuế VAT	Số tiền Đồng
01	608	29/3/2024	Ván MDF, PB	385.672.080	30.853.766	461.525.846
02	931	03/5/2024	Ván MDF, PB	1.613.805.977	129.104.478	1.742.910.455
03	971	10/5/2024	Ván MDF, PB	475.502.316	38.041.625	513.561.941

Với tổng số tiền là 2.130.998.243 đồng, bị đơn cũng thừa nhận việc nguyên đơn đã bán hàng đúng sản phẩm và xuất hóa đơn đúng yêu cầu. Bị đơn bên mua chỉ thanh toán một phần là 542.000.000 đồng, còn nợ số tiền 2.130.998.243 đồng. Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập là hợp đồng song vụ theo quy định tại Điều 402, 410 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Việc bị đơn mua hàng không thanh toán đủ tiền mua hàng cho nguyên đơn với lý do trên là không có căn cứ chấp nhận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ là 2.130.998.243 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng trên số tiền từng hóa đơn và thời gian chậm thanh toán là: 188.755.032 đồng. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì cho rằng bị đơn chậm thanh toán tiền gốc là do lỗi của nguyên đơn không thiện chí giải quyết những hóa đơn do nguyên đơn xuất cho bị đơn. Xét thấy, việc cơ quan Thuế

thực hiện thủ tục hành chính không ảnh hưởng đến việc mua bán hàng hóa và thanh toán tiền của các bên và nguyên đơn đã giải trình cho Cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu và bị đơn đã được Cơ quan quản lý thuế mời làm việc thì không có mặt để làm việc. Do đó, việc bị đơn lấy lý do lỗi của nguyên đơn để không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy: theo kết quả cung cấp thông tin Ngân hàng N1 – chi nhánh thành phố T, Ngân hàng TMCP S - Phòng G1 và Ngân hàng Đ (B1) - Phòng G1 thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn trung bình là từ 9,86% - 10,85%/năm. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 01%/tháng với số tiền 188.755.032 đồng là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 39, 40, 85, 86, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55 của Luật Thương mại;

- Các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G đối với Công ty TNHH B về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH B trả cho Công ty TNHH G tổng số tiền là 2.319.753.274 đồng (hai tỷ ba trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Tiền gốc là: 2.130.998.242 đồng; tiền lãi là: 188.755.032 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty TNHH B phải chịu 78.395.000 (Bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.260.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004531 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cảnh Khang